

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN “LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT” CỦA SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Hoàng Thị Thu Hà,  
Lê Phương Huyền<sup>+</sup>,  
Nguyễn Lê Khanh,  
Đào Thị Mỹ Lệ,  
Nguyễn Thị Nga

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  
+Tác giả liên hệ • Email: lphneuk62@gmail.com

## Article history

Received: 11/4/2023

Accepted: 25/5/2023

Published: 20/6/2023

## Keywords

Academic integrity,  
education digital  
transformation, cheating,  
students

## ABSTRACT

Digital transformation has become a major topic in recent years which seems to make an appearance in every field, especially education. Universities with their advantages of resources have taken a lead in adopting technology in order to enhance their academic quality. Despite the undeniable merits of the changes, there are some emerging issues, one of which is academic dishonesty. This study uses the fraud triangle theory and the expanded theory of planned behaviors to propose the theoretical framework. After processing and analyzing the primary data with a sample size  $n = 523$ , the final model of 5 factors affecting college students' academic integrity in the educational digital transformation was proposed, including Opportunity, Pressure, Rationalization, Lack of self - control and Perceived Behavior Control. The article provides a scientific reference on factors affecting college students' academic integrity and recommendations from the perspectives of institutions, families and students so as to alleviate academic cheating.

## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 phát triển mạnh mẽ, “chuyển đổi số” cũng vì thế đã trở thành một thuật ngữ quen thuộc với mỗi người. Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục rất được coi trọng, thể hiện qua một số chỉ đạo như Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2020) về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Theo đó, giáo dục là lĩnh vực được ưu tiên chuyển đổi số thứ 2 sau Y tế. Điều này cho thấy tầm quan trọng của giáo dục và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng, không chỉ đối với ngành mà còn tác động rất lớn đối với đất nước. Tuy nhiên, chuyển đổi số trong giáo dục là một quãng đường dài, đòi hỏi nhiều yêu cầu về tài chính, nhân lực... Chính vì vậy, các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học với lợi thế về các nguồn lực đã luôn đi đầu trong chuyển đổi số giáo dục.

Không thể phủ nhận những tác động tích cực của sự đổi mới giáo dục trong việc nâng cao chất lượng môi trường cao đẳng, đại học. Tuy nhiên, việc chuyển đổi số, mà ảnh hưởng trực tiếp tới sinh viên (SV) là quá trình dạy và học, cũng mang lại những vấn đề nhất định, trong đó có lo ngại về tính liêm chính học thuật khi sự hiện đại của công nghệ thông tin tạo ra cơ hội cho những hành vi gian lận. Chính vì vậy, yêu cầu thực tiễn đặt ra cần có những biện pháp ngăn chặn hiện tượng này kịp thời khi chuyển đổi số giáo dục toàn diện đã được xác định là một mục tiêu quan trọng, lâu dài.

Trong bài báo này, chúng tôi sẽ chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng đến liêm chính học thuật của SV trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục tại các trường đại học, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm phòng và chống hành vi gian lận trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến vấn đề “liêm chính học thuật”

Theo một trong những nghiên cứu sớm nhất về gian lận trong học thuật tác giả Brownell (1928), SV thực hiện hành vi gian lận có xu hướng hướng ngoại, đang gặp phải một số vấn đề tâm thần và kém thông minh hơn SV không gian lận. McCabe và Trevino (1997) đã thống kê rằng 1/3 trong 6000 SV thuộc 31 trường đại học, cao đẳng Hoa Kỳ thừa nhận gian dối học thuật. Nonis và Swift (2001) chỉ ra khoảng 30% đến 96% trong mẫu 1056 SV ngành Kinh doanh bậc đại học và sau đại học tham gia gian dối học thuật thuộc 6 trường đại học ở Hoa Kỳ. Yu và cộng sự (2021)

lại tiếp cận các điều kiện quyết định động lực và thái độ với việc gian lận qua các nguồn Internet của SV đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, SV chấp nhận hành vi gian lận sử dụng các nguồn tài nguyên Internet nếu có mục đích giải quyết các vấn đề học tập, đây là suy nghĩ sai lệch của một bộ phận SV. Comas-Forgas và cộng sự (2021) đã sử dụng phương pháp nghiên cứu mới khi phân tích dữ liệu tìm kiếm Internet nhằm điều tra mức độ yêu cầu cung cấp thông tin về gian lận thi cử tại Tây Ban Nha trong khoảng thời gian thay đổi hình thức dạy và học do đại dịch và đã chỉ ra rằng có một sự gia tăng đáng chú ý trong việc tìm kiếm và truy cập các từ khoá liên quan tới gian lận, đặc biệt là thông tin về gian lận đối với hình thức thi trực tuyến. Muhammad và cộng sự (2016) lại sử dụng phương pháp khảo sát các giảng viên (GgV), SV và nhân viên hành chính nhằm trả lời cho câu hỏi liệu hình thức E-learning có tạo nhiều cơ hội gian lận thi cử hơn so với hình thức truyền thống, theo đó, đạo đức hành vi của người học hình thức E-learning có xu hướng giảm và nhấn mạnh sự hiện diện của GgV, bạn bè là một trong những yếu tố giúp phát triển đạo đức của một SV, khía cạnh mà E-learning không thể đáp ứng.

Tại Việt Nam, Trần Thị Út và cộng sự (2016) đã tiến hành phân tích chỉ số tương đồng trung bình của 252 báo cáo thực tập tốt nghiệp của các cựu SV sử dụng phần mềm Turnitin và đánh giá sự phổ biến, mức độ nghiêm trọng của hành vi đạo văn của hành vi đạo văn của SV khối ngành Kinh tế. Kết quả cho thấy, chỉ có 4% trong số 252 bài viết được chấp nhận là của chính chủ. Nghiên cứu còn chỉ ra rằng, các trang web dễ tìm kiếm khuyến khích hành vi đạo văn và không có sự khác biệt quá lớn trong mức độ đạo văn xem xét theo nhóm ngành, chương trình học, giới tính. Với hướng tiếp cận nhận thức của SV về liêm chính học thuật, Đặng Hùng Vũ và Nguyễn Thành Long (2020) khảo sát và đánh giá nhận thức và hành vi không trung thực của SV một khoa tại một trường đại học ở miền Nam Việt Nam. Kết quả cho thấy mặc dù SV đánh giá chính sách của trường về liêm chính học thuật là nghiêm ngặt nhưng vẫn thực hiện gian lận. Tần suất thực hiện hành vi thiếu liêm chính trong học thuật có tương quan nghịch với nhận thức thấp của SV về hành vi này.

## **2.2. Khái quát tình hình thực hiện “liêm chính học thuật” của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học tại Việt Nam**

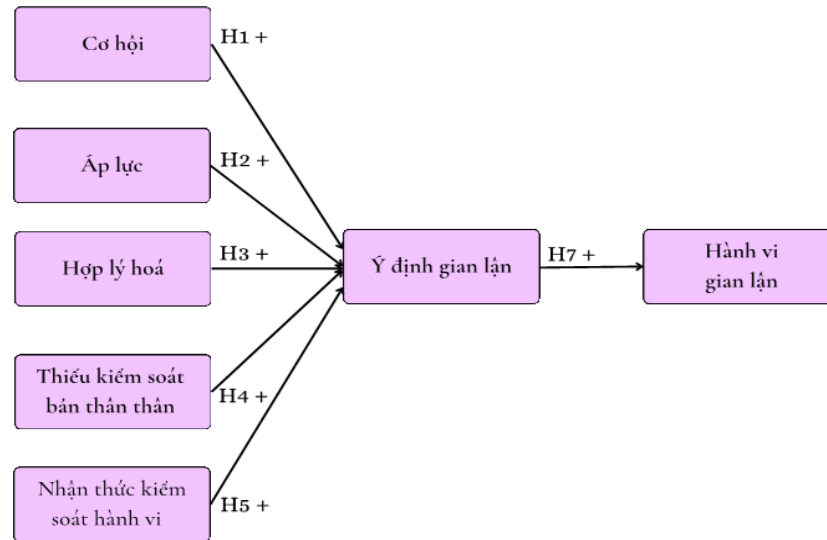
Chuyển đổi số trong giáo dục được thể hiện rõ ràng trong giai đoạn dịch Covid-19 diễn ra căng thẳng, tất cả hoạt động giáo dục đều chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến, các phần mềm hỗ trợ như Microsoft Team, Google Meet. Ngoài ra còn có các phần mềm khác như LMS- Learning Management System, Kahoot!, Quizizz, Azota,... cũng đã giúp hoạt động dạy và học trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn. Các phần mềm hỗ trợ GgV trong việc kiểm soát tình trạng gian lận của SV cũng đã xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến trong môi trường học thuật như DoIT, Small SEO Tool, Plagium, Turnitin... Những tiết học thực hành, thí nghiệm trở nên sinh động hơn, thu hút sự chú ý của người học hơn khi có sự xuất hiện của các phần mềm hỗ trợ như công nghệ thực tế ảo (AR-VR), hệ thống thí nghiệm ảo,... Thời gian gần đây có sự xuất hiện của Chatbot hay ChatGPT - một công nghệ được xem như một GV ảo để giải đáp những thắc mắc cho HS, SV. Việc sử dụng công nghệ này được nhiều SV đón nhận nhanh chóng do những tiện ích mà nó mang lại, tuy nhiên nếu lạm dụng việc sử dụng ChatGPT không đúng mục đích sẽ gây hậu quả nghiêm trọng. Hiện nay, đã có nhiều trường đại học cũng đã sử dụng công nghệ Big data giúp lưu trữ, chia sẻ hồ sơ học tập, phân loại dữ liệu, lưu trữ không giới hạn, đóng vai trò quan trọng trong việc giảm chi phí in ấn hay gây thất lạc thông tin.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nhờ sự phát triển của công nghệ cũng như công tác chuyển đổi số trong giáo dục tại các trường đại học, một số hạn chế cũng đã xuất hiện và trở nên nghiêm trọng. Nhiều nguy cơ hiện diện như hành vi học tập của SV có thể bị lệch lạc, gian lận, hoạt động giáo dục không được kiểm soát, chất lượng giáo dục bị thả lỏng. Nghiên cứu của Trần Thị Út và cộng sự (2016) cho thấy khi sử dụng mẫu là 252 báo cáo thực tập tốt nghiệp của SV khối ngành kinh tế thì kết quả kiểm tra đạo văn (Turnitin) lên đến 47,5%, trong đó nhóm có chỉ số tương đồng từ 50% trở lên chiếm gần 40%. Đặng Hùng Vũ và Nguyễn Thành Long (2022) với mẫu nghiên cứu là 957 phản hồi của SV tại một trường đại học của Việt Nam thì cho thấy rằng 94,5% SV đã vi phạm 1 trong 21 hành vi vi phạm liêm chính học thuật mà nhóm tác giả đã liệt kê và từ 23% đến 37% SV cho rằng các hành vi đó không phải vi phạm liêm chính học thuật, điều này chứng tỏ nhận thức của SV về vấn đề liêm chính học thuật còn nhiều hạn chế.

## **2.3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu**

### **2.3.1. Mô hình nghiên cứu**

Từ kiến thức tham khảo các tài liệu nghiên cứu và tình hình thực tiễn, nhóm tác giả dựa vào mô hình “Tam giác gian lận” của Cressey (1953) kết hợp với mô hình “Hành vi có kế hoạch” của Ajzen (1991) để đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất (Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất)

Các giả thuyết được đưa ra như sau:  $H_1$ : Cơ hội có tác động tích cực tới ý định gian lận;  $H_2$ : Áp lực có tác động tích cực tới ý định gian lận;  $H_3$ : Hợp lý hóa có tác động tích cực tới ý định gian lận;  $H_4$ : Thiếu kiểm soát bản thân có tác động tích cực tới ý định gian lận;  $H_5$ : Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động tích cực tới ý định gian lận.

### 2.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được thực hiện qua hai giai đoạn là nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, trong đó nghiên cứu định tính thực hiện thảo luận nhóm tập trung với 20 SV (thuộc 4 từ năm 1 đến năm 4) qua nền tảng MS Teams để tiến hành thu thập dữ liệu; nghiên cứu định lượng được tiến hành khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới liêm chính học thuật trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục tại các trường đại học với kích cỡ mẫu  $n = 523$  mẫu. Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phiếu khảo sát điện tử tới các SV trường đại học, cao đẳng trên địa bàn TP. Hà Nội. Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, thời gian thực hiện khảo sát từ ngày 8-28/2/2023.

## 2.4. Khảo sát mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến “liêm chính học thuật” của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học

### 2.4.1. Kết quả nghiên cứu định tính

Kết quả khảo sát cho thấy, 100% mẫu quan sát đều sử dụng ít nhất một ứng dụng/website trong quá trình học tập, thể hiện thực trạng chuyển đổi số trong giáo dục tại các trường đại học ngày càng phổ biến và phát triển. Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành nghiên cứu về tác động của hai ứng dụng là Turnitin và ChatGPT đối với SV ở các trường đại học tại khu vực Hà Nội. Kết quả cho thấy ứng dụng Turnitin trong kiểm tra đạo văn tại các trường đại học có một vai trò nhất định trong hạn chế vấn nạn đạo văn (có 82% SV không đồng ý đã từng gian lận trong Turnitin; 87% SV không đồng ý rằng hành vi gian lận khi sử dụng Turnitin là dễ dàng thực hiện), bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục khi có tới 58% tỉ lệ SV đồng ý mức chuẩn dưới 25% đạo văn thường được quy định ở các trường đại học là khó đạt được. Ứng dụng ChatGPT vừa mới xuất hiện gần đây tuy nhiên ảnh hưởng của nó đối với tính liêm chính học thuật tại các trường đại học lại không hề nhỏ, thực trạng đã phản ánh những tác động tiêu cực nhiều hơn là tích cực, có tới 50% SV đồng ý thường dùng nội dung tìm kiếm từ ChatGPT để nộp bài luận, bài kiểm tra; 42% SV đồng ý rằng ChatGPT giúp SV dễ dàng gian lận trong học tập và thi cử... Do đó cần phải có giải pháp kịp thời để chấm dứt tình trạng vi phạm liêm chính học thuật này.

### 2.4.2. Kết quả nghiên cứu định lượng

- *Kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha*: hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo: “Cơ hội”, “Áp lực”, “Hợp lý hóa”, “Thiếu kiểm soát bản thân”, “Nhận thức kiểm soát hành vi”, “Hành vi gian lận trong quá khứ”, “Ý định gian lận”, “Hành vi gian lận” đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 và nếu loại bỏ biến quan sát thì hệ số Cronbach's Alpha đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha của thang đo do đó tất cả các biến quan sát đều được giữ lại. Các hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item - Total Correlation) của các biến đo lường thành phần này đều > 0,3. Như vậy, tất cả các thang đo trên đạt độ tin cậy cho các phân tích tiếp theo.

- *Phân tích yếu tố khám phá EFA*: chỉ số KMO là  $0,920 > 0,5$ , chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích yếu tố là hoàn toàn thích hợp. Kiểm định Bartlett's có  $\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$ , cho thấy các biến có tương quan với nhau và thỏa mãn điều kiện phân tích yếu tố. Tổng phương sai trích =  $51,4\% > 50\%$ , hệ số tải đều  $> 0,5$ . Do vậy, có thể nói sử dụng phương pháp phân tích khám phá yếu tố với dữ liệu nghiên cứu là phù hợp và tin cậy.

- *Phân tích yếu tố khẳng định CFA*: các chỉ số để đánh giá độ phù hợp của mô hình tổng thể đều trong giới hạn đạt chuẩn, do đó mô hình là hoàn toàn phù hợp. Các biến quan sát đều có P-value bằng  $0 < 0,05$ , chứng tỏ các biến đều có ý nghĩa trong mô hình nghiên cứu. Các biến đều có kết quả Estimate  $> 0,5$ , phù hợp để phân tích. Độ tin cậy của các thang đo được đảm bảo (Composite reliability  $> 0,7$ ), tính hội tụ được đảm bảo MSV (Average variance extracted)  $> 0,5$ , tính phân biệt được đảm bảo (Maximum share variance  $< \text{AVE}$  và Square root of AVE  $< \text{AVE}$ ).

- *Kết quả chạy mô hình chương trình cấu trúc SEM*: Sau khi phân tích sự phù hợp của các yếu tố, nhóm nghiên cứu chạy mô hình chương trình cấu trúc SEM và thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Hệ số hồi quy

			Estimate	P - value
NT	<---	QK	-0,106	0,06
YD	<---	NT	0,324	***
YD	<---	KS	0,256	***
YD	<---	HL	0,286	***
YD	<---	AP	0,143	0,001
YD	<---	CH	0,457	***
HV	<---	YD	0,519	***

Nhóm sử dụng tiêu chuẩn độ tin cậy 95%, P - value có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%. Nhóm nhận thấy:

+ Sig của QK tác động lên NT là  $0,06 > 0,05$ , biến QK không có sự tác động lên NT.

+ Sig các biến còn lại bằng 0,000, các mối quan hệ này đều có ý nghĩa.

Như vậy, trong 7 giả thuyết, nhóm bác bỏ H6 và chấp nhận các giả thuyết còn lại.

Đánh giá mức độ tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc:

+ Mức độ tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc Ý định gian lận, chúng ta thấy: trong 5 biến tác động lên ý định gian lận, thứ tự các biến tác động giảm dần như sau: “Cơ hội” (giá trị Estimate = 0,457), “Nhận thức kiểm soát hành vi” (giá trị Estimate = 0,324), “Hợp lý hóa” (giá trị Estimate = 0,286), “Thiếu kiểm soát bản thân” (giá trị Estimate = 0,256), “Áp lực” (giá trị Estimate = 0,143).

+ Mức độ tác động của “Ý định gian lận” lên biến phụ thuộc “Hành vi gian lận”, giá trị Estimate = 0,519.

Giá trị R bình phương của YD là  $0,481 = 48,1\%$ , như vậy 5 biến độc lập tác động lên 48,1% sự biến thiên của Ý định gian lận. Tương tự, R bình phương của HV là  $0,269 = 26,9\%$ , như vậy “Ý định gian lận” có thể giải thích được 26,9% cho Hành vi gian lận của SV.

Như vậy, kết quả kiểm định cho thấy “Cơ hội”, “Áp lực”, “Hợp lý hóa”, “Thiếu kiểm soát bản thân”, “Nhận thức kiểm soát hành vi” có tác động tích cực tới “Ý định gian lận” và “Ý định gian lận” có ảnh hưởng tích cực tới “Hành vi gian lận”. Yếu tố “Cơ hội” tác động mạnh nhất “Ý định gian lận”. Điều này có thể lý giải bởi cơ hội có thể hiểu là một tình huống thuận lợi tạo điều kiện cho con người thực hiện kế hoạch gian lận mà không bị phát hiện, đặc biệt trong thời kì Covid-19 bùng phát, việc dạy và học trực tuyến đã tạo nhiều cơ hội cho hành vi gian lận như lợi dụng góc khuất của camera, không có sự quan sát trực tiếp của giám thị... Ngoài ra ở một số trường đại học các quy định về thiếu liêm chính trong học thuật còn chưa rõ ràng, hình thức xử lý vi phạm chưa nghiêm ngặt, thời đại công nghệ phát triển việc tìm kiếm đáp án trên Internet được thực hiện dễ dàng hơn bao giờ hết cũng là một cơ hội để SV thực hiện hành vi gian lận của mình. Yếu tố tiếp theo đóng vai trò quan trọng là “Nhận thức hành vi” bởi lẽ yếu tố này được xác định bởi niềm tin về việc một người có tiếp cận được các nguồn lực và cơ hội cần thiết để thực hiện hành vi thành công hay không, trong khi đó việc dạy và học online tại nhà đã tạo ra nhiều cơ hội và khả năng tiếp cận nguồn lực (Internet, bạn học, tài liệu giấy...) để SV thực hiện hành vi gian lận của mình. Tiếp theo mức độ tác động ít dần là các yếu tố “Hợp lý hóa” và “Thiếu kiểm soát bản thân”, nguyên nhân là do từ khi ứng dụng chuyển đổi số vào giáo dục, các công cụ như DoIT, Turnitin... được áp dụng nhiều hơn khiến SV càng e sợ bị bắt khi gian lận, vậy nên họ sẽ kiểm soát bản thân và tránh khỏi cám dỗ khi có ý định thực hiện hành vi gian lận trong học tập, theo đó thì sự biện minh, hợp lý hóa cho hành vi xấu này cũng sẽ hạn chế hơn. Yếu tố có mức độ tác động thấp nhất là “Áp lực”, nhóm tác giả cho rằng nguyên nhân của kết quả là do SV hiện nay không phải chịu quá nhiều áp lực về kinh tế, điểm số...

“Ý định gian lận” giải thích được 26,9% cho sự biến thiên của hành vi gian lận của SV bởi lẽ để thực hiện hành vi gian lận thì ngoài ý định gian lận ra SV còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác. Các giải thuyết đều có ý nghĩa thống kê và có ảnh hưởng tới “Ý định gian lận” và “Hành vi gian lận” của SV trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục tại các trường đại học.

#### 2.4.3. Đề xuất một số giải pháp hạn chế hành vi ảnh hưởng đến liêm chính học thuật của sinh viên

- Nhà trường, GgV yêu cầu sử dụng các phần mềm hỗ trợ quản lý học tập như các phần mềm đạo văn đối với cả các bài tập lấy điểm thành phần tại lớp để tránh tình trạng SV chép đạo văn từ các trang web trên mạng. Các trường có nguồn lực tốt hơn có thể thử nghiệm các phần mềm phát hiện gian lận trong quá trình thi.

- Gia đình tạo mối quan hệ lành mạnh giữa các thành viên, không nên thể hiện những tư tưởng cực đoan quá mức hay kì vọng quá cao, điều gây nên áp lực cho SV phải đạt điểm cao bằng mọi giá.

- GgV có thể cung cấp những sự liên kết nhất định giữa các môn học và khơi gợi sự cần thiết áp dụng các môn học vào cuộc sống và công việc, kích thích sự hứng thú của SV với môn học. Điều này xuất phát từ thực trạng nhiều SV mang tư tưởng sai lệch rằng môn học đại cương, môn học “không quan trọng” với chuyên ngành nên không cần chú tâm học tập.

- SV nên đặt bản thân trong một môi trường kích thích sự tập trung và hứng thú học tập như thư viện hay sắp xếp không gian học tập tại nhà gọn gàng, ít xao nhãng, đồng thời nên đặt ra khác mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Các mục tiêu này cần theo mô hình SMART (cụ thể - có thể đo lường - khả thi - đồng nhất - thời hạn rõ ràng). Việc đặt mục tiêu cần được theo sau với các bước nhỏ để đạt được kết quả mong đợi thay vì kì vọng một hành động riêng lẻ có thể tạo tác động lớn.

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố “Ý định gian lận” ảnh hưởng trực tiếp đến “Hành vi gian lận” và có 5 yếu tố ảnh hưởng đến “Ý định gian lận” với mức độ ảnh hưởng từ lớn đến nhỏ là: (1) Cơ hội; (2) Nhận thức kiểm soát hành vi; (3) Hợp lí hóa; (4) Thiếu kiểm soát bản thân; (5) Áp lực. Để khắc phục tình trạng này các cơ sở giáo dục đại học, CBQL, GgV và bản thân các SV cần tiến hành những biện pháp quyết liệt. Bài báo đã nêu một số định hướng và đóng góp nguồn tài liệu hữu ích, là cơ sở cho nhiệm vụ giảm thiểu tình trạng gian lận của SV còn tồn tại ở các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

#### Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211.
- Brownell, H. C. (1928). Mental test traits of college cribbers. *School & Society*, 27, 764.
- Comas-Forgas, R., Lancaster, T. M., Calvo-Sastre, A., & Negre, J. S. (2021). Exam cheating and academic integrity breaches during the COVID-19 pandemic: An analysis of internet search activity in Spain. *Heliyon*, 7(10), e08233. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2021.e08233>
- Cressey, D. R. (1953). *Other People's Money: A Study in the Social Psychology of Embezzlement*. Glencoe: The Free Press.
- Đặng Hùng Vũ, Nguyễn Thành Long (2021). Đánh giá liêm chính học thuật của sinh viên qua nhận thức của sinh viên về môi trường học thuật và hành vi không trung thực học thuật. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 16(1), 46-63.
- McCabe, D. L., & Trevino, L. K. (1997). Individual and contextual influences on academic dishonesty: A multicampus investigation. *Research in Higher Education*, 38, 379-396.
- Muhammad, A., Ghalib, M. F., Ahmad, F., Naveed, Q. N., & Shah, A. (2016). A Study to Investigate State of Ethical Development in E-Learning. *International Journal of Advanced Computer Science and Applications*, 7(4). <https://doi.org/10.14569/ijacsa.2016.070436>
- Nonis, S. A., & Swift, C. O. (2001). An Examination of the Relationship Between Academic Dishonesty and Workplace Dishonesty: A Multicampus Investigation. *Journal of Education for Business*. <https://doi.org/10.1080/08832320109599052>
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 về việc phê duyệt chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Trần Thị Út, Huỳnh Thanh, Nguyễn Thị Thanh Hòa (2016). Vấn đề liêm chính học thuật trong sự nghiệp “trồng người”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 2(80), 54-61.
- Yu, H., Glanzer, P. L., & Johnson, B. R. (2021). Examining the relationship between student attitude and academic cheating. *Ethics & Behavior*, 31(7), 475-487. <https://doi.org/10.1080/10508422.2020.1817746>